

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



HỒ XUÂN CƯỜNG

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

KONTUM - NĂM 2020

Công trình được hình thành tại:
Trường Đại học Luật Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Thảo**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật – Đại học Huế vào hồi
giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	4
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	5
1.1. Định nghĩa về bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	5
1.1.1. Định nghĩa bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	5
1.1.2. Định nghĩa giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1.2.1. Đặc điểm pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1.2.2. Nội dung của pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	8
1.2.2.1. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	8
1.2.2.2. Các phương thức giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	8
1.3. Yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	9
Kết luận chương 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM	10
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	10

2.1.1. Về quyền khởi kiện giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	10
2.1.2. Về thời hiệu khởi kiện trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	11
2.1.3. Về người đại diện tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	12
2.1.4. Về thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	13
2.1.5. Về nghĩa vụ chứng minh, xác định thiệt hại và chứng cứ trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	14
2.1.6. Các tổ chức xã hội, các nhà khoa học tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	16
2.1.7. Trình tự giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	17
2.1.8. Thủ tục giải quyết tố cáo trong bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	17
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	18
2.2.1. Tình hình giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam	18
2.2.2. Những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	20
Kết luận chương 2.	20
Chương 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	22
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	22
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	23
Kết luận chương 3	24
KẾT LUẬN	26

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự gia tăng tình trạng ÔNMT, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, suy giảm đa dạng sinh học, gây ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống con người, xung đột, TCMT đang xuất hiện khá phổ biến ở các quốc gia. Đặc biệt, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta thời gian qua, các hành vi gây thiệt hại do vi phạm pháp luật về BVMT xuất hiện ngày càng nhiều. Tình trạng ÔNMT đã và đang diễn ra phức tạp, cùng với đó là sự gia tăng ngày càng nhiều các vụ TCMT về số lượng cũng như mức độ vi phạm.

Tại Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, việc giải quyết tranh chấp, xung đột trong lĩnh vực môi trường qua đó hướng đến mục đích đòi đền bù cho những thiệt hại, tổn thất do ÔNMT gây ra luôn là một vấn đề nổi cộm trong đời sống xã hội, thu hút sự quan tâm người dân, các phương tiện truyền thông cũng như các tổ chức BVMT. Với sự hỗ trợ của rất nhiều chủ thể (Hội Nông dân, Hội Luật gia, cơ quan truyền thông, báo chí, người tiêu dùng....) vụ việc đã được giải quyết trên thực tế, người dân đã được nhận tiền bồi thường, nhưng rất nhiều vấn đề pháp lý đặt ra, còn nhiều vướng mắc như quyền khởi kiện yêu cầu chủ thể vi phạm bồi BTTH do hành vi vi phạm trong lĩnh vực BVMT? hay vai trò của Tòa án trong giải quyết yêu cầu BTTH do ÔNMT gây ra? Mặc dù, các quy định pháp luật đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý để người bị thiệt hại do ÔNMT được bảo vệ quyền lợi và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật môi trường. Tuy nhiên các quy định pháp luật đó còn chưa thực sự đồng bộ, cụ thể, rõ ràng, nhiều quy định không phù hợp với đời sống xã hội, có sự mâu thuẫn chống chọi nhưng lại chậm sửa đổi, bổ sung,... làm cho công tác giải quyết TCMT nói chung, hoạt động giải quyết BTTH nói riêng trong thời gian qua gặp rất nhiều khó khăn và có phần kém hiệu quả dẫn đến sự hạn chế trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư, là những chủ thể chịu tác động trực tiếp bởi thực trạng ÔNMT gây ra. Qua nghiên cứu về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT và thực tiễn áp dụng các quy định về pháp luật hiện hành để giải quyết hiệu quả yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT nhằm phát hiện ra những hạn chế, thiếu sót, bất cập của hệ thống pháp luật để từ đó đưa ra những kiến nghị và giải pháp giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có những điều chỉnh phù hợp, góp phần tiếp tục hoàn thiện

pháp luật BVMT nói chung, pháp luật giải quyết BTTH nói riêng, vừa bảo vệ, gìn giữ các giá trị của môi trường sinh thái, vừa giải quyết các ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư một cách hiệu quả. Để góp phần hoàn thiện pháp luật về môi trường và giải quyết có hiệu quả hoạt động BTTH trong lĩnh vực BVMT trên thực tế, học viên đã quyết định chọn đề tài ***“Pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp là hết sức cần thiết cả từ phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong nước có khá nhiều đề tài nghiên cứu về môi trường cũng như pháp luật về BVMT, khá nhiều chuyên gia, các nhà khoa học đã đưa ra nhiều công trình tiêu biểu như bài viết của TS. Vũ Thu Hạnh với đề tài: *“Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường”* đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý số 3/2007, bài viết của PGS.TS. Phạm Hữu Nghị và ThS. Bùi Đức Hiền về đề tài *“Các quy định pháp luật về xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra và định hướng xây dựng, hoàn thiện”* đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 1/2011; báo cáo nghiên cứu *“Quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường ở Việt Nam: Cơ sở pháp lý và quy trình thực hiện”* do Tiến sĩ Vũ Thu Hạnh và các đồng nghiệp thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội; bài viết của ThS. Võ Thị Mỹ Hương về đề tài: *“Pháp luật về bảo đảm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật môi trường ở Việt Nam”*; Luận án Tiến sĩ luật học của Vũ Thu Hạnh với đề tài: *“Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”* (2004), Đại học Luật Hà Nội; bài viết về *“Các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường ở Australia”* của TS. Vũ Thu Hạnh và ThS. Trần Thị Hương Trang đề cập đến cách thức giải quyết TCMT ở nước ngoài với những tác động trực tiếp đến quyền yêu cầu BTTH do ÔNMT gây ra, mà cụ thể tại Australia.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, việc nghiên cứu chuyên sâu về chế định giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT hầu như chưa có công trình khoa học nào đề cập đến. Có chăng là Luận án tiến sĩ của TS. Vũ Thu Hạnh đã đề cập toàn diện về vấn đề này, tuy nhiên công trình được thực hiện vào năm 2004 với những điều chỉnh pháp lý của pháp luật môi trường cũng như các chế định pháp lý khác hoàn toàn có những khác biệt cơ bản so với cơ chế điều chỉnh được áp dụng trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở này, tác giả mong muốn phát

triển nghiên cứu đề tài Luận văn đã chọn, thực hiện một công trình nghiên cứu có giá trị khoa học cả góc độ lý luận và thực tiễn về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT tại Việt Nam, góp phần hoàn thiện thống nhất hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật về BVMT nói riêng, góp phần thực hiện hiệu quả trách nhiệm quản lý và BVMT sinh thái.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Trên cơ sở đó kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên tác giả đề ra nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Làm sáng tỏ định nghĩa, đặc trưng của BTTH trong lĩnh vực BVMT, các yêu cầu đặt ra trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, các cơ chế đặc thù được vận dụng trong quá trình này;
- Tìm hiểu định nghĩa, vai trò, nội dung pháp luật điều chỉnh về vấn đề giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT;
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT để chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế;
- Đề xuất phương hướng, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT tại Việt Nam.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu dựa trên quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.
- Phương pháp duy vật biện chứng để xem xét các sự kiện hiện tượng trong mối quan hệ tương quan với các thành phần và hiện tượng khác.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích nhằm mục đích làm sáng tỏ những quy định của pháp luật cũng như vấn đề áp dụng pháp luật giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT vào thực tiễn. Bên cạnh đó, đáp ứng yêu cầu phân tích một cách toàn diện, Luận văn còn

sử dụng các phương pháp khác như đối chiếu, so sánh, thống kê và tổng hợp để đạt được mục đích đề ra. Cụ thể:

+ *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: Được sử dụng để đối chiếu trước nhất tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về vấn đề giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

+ *Phương pháp thống kê*: Đây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình thu thập, xử lý các số liệu thực tiễn về hiệu quả thực thi hoạt động giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

+ *Phương pháp tổng hợp*: Dựa trên những kết quả đã thu thập được, tiến hành tổng hợp, đánh giá, nhận xét các thông tin để đưa ra những đánh giá khách quan nhất cũng như các giải pháp mang tính thực tế để nâng cao hiệu quả thực thi hoạt động giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trên thực tiễn.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu các quan điểm, luận điểm về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT và pháp luật về BTTH trong lĩnh vực BVMT.

- Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật quy phạm pháp luật về việc giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT ở Việt Nam

- Nghiên cứu thực tiễn giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT đối với một số vụ việc gây ÔNMT ở Việt Nam.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian*: Nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2018.

- *Về không gian*: Đánh giá thực trạng thực thi giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, có liên hệ với tình hình áp dụng pháp luật trong phạm vi cả nước.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn

Luận văn góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận về pháp luật giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT; Luận văn phân tích được những ưu điểm, hạn chế trong lĩnh vực pháp luật này, từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Luận văn phân tích những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT; từ đó đưa ra

một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT ở Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, danh mục viết tắt, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Định nghĩa về bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1.1.1. Định nghĩa bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Bàn về nội hàm thuật ngữ BTTH, có thể nhận thấy đây là 2 vấn đề tồn tại tách biệt nhưng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Theo đó, thiệt hại được hiểu là sự mất mát, tổn thất, hư hao. Gắn với chế định về môi trường, thuật ngữ này thường được tiếp cận như là những hư hại phải gánh chịu sau những thiên tai, tác động tiêu cực xảy ra. Tiếp cận cụ thể nội hàm định nghĩa bồi thường của Từ điển Tiếng Việt (2013) có thể thấy rõ điều này. Theo đó, tài liệu này bồi thường là đền bù thiệt hại (đối với người bị nạn). Từ cách thức tiếp cận này, có thể dễ dàng nhìn nhận mối quan hệ liên tiếp về mặt thời gian của thiệt hại và trách nhiệm bồi thường. Trang thông tin pháp lý Free Advice Legal định nghĩa thiệt hại (damage) trong lĩnh vực pháp lý được xem là sự tổn thất hoặc gây ảnh hưởng, là kết quả của sự tác động tiêu cực đến con người, tài sản hoặc danh tiếng của họ. Thiệt hại liên quan đến trách nhiệm bồi thường như thông qua một phán quyết về vật chất nhằm cung cấp cho người phải gánh chịu những tổn thất hoặc ảnh hưởng do hành vi vi phạm pháp luật hoặc sự làm ngơ, không hành

động gây ra hậu quả của người khác. Người có lỗi là người gây ra các tổn thất, tác động nguy hại có trách nhiệm bồi thường (hoặc chi trả) cho những cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng về những thiệt hại phải gánh chịu như phải đền bù lợi ích do thiệt hại mình gây ra. Từ góc độ tiếp cận này, thiệt hại xảy ra trong lĩnh vực BVMT thường là thiệt hại đối với giá trị của môi trường sinh thái và các bộ phận cấu thành nên môi trường, ngoài ra còn là những thiệt hại đối với quyền lợi của các chủ thể trong cộng đồng. Tùy thuộc vào bản chất, mối quan hệ mà hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT tác động đến để xác định cụ thể chủ thể phát sinh yêu cầu đòi BTTH (là cá nhân, tổ chức công quyền hay thường dân trong xã hội) để lần lượt đòi lại những lợi ích công và lợi ích tư đã bị tổn thất do vi phạm pháp luật môi trường. Như vậy có thể thấy BTTH khi ÔNMT diễn ra là quyền của con người. Phạm vi yêu cầu bồi thường không đơn thuần chỉ là các giá trị vật chất hữu hình có thể dễ dàng nhận thấy như các tổn thất về thu nhập mà còn là các giá trị tinh thần như quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng. Đây là quyền quan trọng, được ghi nhận là nhóm quyền dân sự - chính trị trong Công ước về Quyền Dân sự và Chính trị ICCPR năm 1961. Có thể thấy vấn đề quyền được “sống” không đơn thuần chỉ là vấn đề “tồn tại” mà xa hơn, rộng ra là quyền được hỗ trợ những đảm bảo vững chắc nhất cho quá trình tồn tại, sinh sống và phát triển của con người và sinh vật. Môi trường lúc này phải đóng vai trò là công cụ để duy trì, tạo lập những nền tảng vững chắc để con người phát huy hết nội lực của bản thân và duy trì những thành quả đã đạt ra, hướng đến xây dựng một cuộc sống hạnh phúc, đầy đủ hơn.

Tóm lại, việc BTTH trong lĩnh vực BVMT có thể được định nghĩa là *quyền cơ bản của công dân, nảy sinh trong trường hợp xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, hướng đến đòi hỏi sự giải quyết thỏa đáng cho những lợi ích tư (tác động đến quyền con người được sống trong môi trường trong lành) và những lợi ích của cộng đồng xã hội, lợi ích của số đông khi tham gia vào quan hệ pháp luật môi trường, đảm bảo hiệu quả trong quản lý và BVMT.* Từ định nghĩa này, có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản trong quá trình BTTH trong lĩnh vực BVMT như sau:

Thứ nhất, giải quyết đồng thời các xung đột có sự gắn kết giữa lợi ích tư và lợi ích công.

Thứ hai, BTTH trong lĩnh vực BVMT thường xảy ra với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau (tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư,...).

Thứ ba, yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT có thể nảy sinh từ khi chưa có sự xâm hại thực tế đến các quyền và lợi ích hợp pháp về môi trường.

Thứ tư, vị thế của các bên trong tranh chấp về BTTH trong lĩnh vực BVMT không công bằng với nhau.

Thứ năm, giá trị thiệt hại thông thường rất lớn và khó xác định.

1.1.2. Định nghĩa giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Việc giải quyết vấn đề nói chung, vấn đề pháp lý nói riêng mang bản chất là quá trình làm cho không còn gút mắc, không còn thành vấn đề nữa. Áp dụng đối với thuật ngữ giải quyết tranh chấp BTTH trong lĩnh vực BVMT hay cụ thể hơn là giải quyết các xung đột về quyền lợi khi ÔNMT nảy sinh, hoạt động này được hiểu là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét và ra quyết định xử lý yêu cầu đòi BTTH về vật chất và/hoặc tinh thần do ÔNMT gây ra nhằm kịp thời bảo vệ các giá trị môi trường sinh thái, đảm bảo duy trì các điều kiện sống với những hỗ trợ tối đa cho sự tồn tại, sinh sống của con người và sinh vật cũng như đảm bảo thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành, xác lập trật tự xã hội an toàn, ổn định.

Từ cách thức tiếp cận định nghĩa giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT có thể rút ra những nhìn nhận cơ bản về đặc trưng của quá trình này với những khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất, thẩm quyền giải quyết thuộc về các tổ chức được trao quyền.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp phải tuân thủ thủ tục, trình tự luật định.

Thứ ba, việc giải quyết hướng đến BVMT và bảo đảm quyền con người một cách hiệu quả.

1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1.2.1. Đặc điểm pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trước áp lực phát triển kinh tế, đặc biệt tại các quốc gia kém phát triển, đang phát triển ngày càng lớn, mức độ tác động, khai thác, sử dụng theo chiều hướng tiêu cực các giá trị môi sinh ngày càng có chiều hướng gia tăng. Vì yếu tố lợi nhuận, các chủ thể, đặc biệt là các nhà đầu tư sẵn sàng gây ra những tác động tiêu cực đến các thành phần môi trường quan trọng đóng vai trò là những tiền đề cơ bản của

hoạt động sống như môi trường không khí, đất đai, nước,... nhằm tiết kiệm các chi phí đầu tư trong quá trình vận hành quy trình sản xuất. Hệ quả là những thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, sức khỏe, thậm chí là tính mạng của các chủ thể trong cộng đồng đã xảy ra. Nhằm hướng đến thiết lập cơ chế pháp lý hữu hiệu trong bảo vệ quyền lợi của các đối tượng “yếu thế” khi ÔNMT xảy ra, pháp luật về giải quyết BTTH đã được ban hành nhằm bảo vệ quyền lợi của cộng đồng dân cư một cách hiệu quả, gìn giữ, duy trì tính nguyên vẹn về giá trị của các thành phần của môi trường sinh thái.

Hệ thống pháp luật Việt Nam về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT đang có hiệu lực điều chỉnh có thể kể đến như BLDS năm 2015; BLTTDS năm 2015; Luật BVMT năm 2014; Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ban hành ngày 6/01/2015 Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường ... hướng đến mục tiêu tạo ra sự hợp lý và khoa học giữa vấn đề khai thác giá trị tài nguyên thiên nhiên nhằm thu lại những lợi ích tư cho các chủ thể, đặc biệt là các lợi ích vật chất và vấn đề bảo vệ các lợi ích chung của cộng đồng xã hội.

Từ những tiếp cận trên, có thể đưa ra định nghĩa về pháp luật giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT như sau: *Pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT là hệ thống các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình điều chỉnh, cân bằng các xung đột về quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quá trình đòi lại sự đền bù thích đáng về những ảnh hưởng về giá trị môi trường sinh thái và những quyền lợi hợp pháp của cộng đồng dân cư do ÔNMT gây ra, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực thi bằng sức mạnh cưỡng chế.*

1.2.2. Nội dung của pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1.2.2.1. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, nguyên tắc công quyền can thiệp.

Thứ hai, nguyên tắc phòng ngừa.

Thứ ba, nguyên tắc phối hợp hợp tác.

Thứ tư, nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả giá.

Thứ năm, nguyên tắc tham vấn chuyên gia.

1.2.2.2. Các phương thức giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Đề cập đến phương thức hay cơ chế giải quyết tranh chấp, có thể hiểu sơ bộ vấn đề này chính là hệ thống thống nhất các cách thức,

phương tiện pháp lý đặc thù, thông quá đó thực hiện việc giải tỏa, hóa giải mâu thuẫn giữa các bên tranh chấp, hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp, xác lập trật tự xã hội ổn định, an toàn, hiệu quả. Tùy thuộc vào mức độ mâu thuẫn về quyền và lợi ích của các bên tranh chấp, yêu cầu giải quyết triệt để các vấn đề xung đột nảy sinh, các phương thức được sử dụng trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT gồm:

Thứ nhất, thương lượng.

Thứ hai, hòa giải.

Thứ ba, giải quyết tranh chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Việc giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT nhằm hướng đến điều hòa hiệu quả xung đột về quyền và lợi ích của các chủ thể trong cộng đồng xã hội khi tham gia vào quan hệ pháp luật môi trường cần được tiến hành trên cơ sở đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, ưu tiên bảo vệ các quyền và lợi ích chung về môi trường của cộng đồng, của xã hội.

Thứ hai, đảm bảo duy trì mối quan hệ BVMT giữa các bên đề hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ ba, ngăn chặn sớm nhất sự xâm hại đối với môi trường.

Thứ tư, đảm bảo xác định có căn cứ giá trị thiệt hại về môi trường.

Thứ năm, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các tranh chấp BTTH do ÔNMT nảy sinh.

Kết luận chương 1

Luận văn đã tìm hiểu, phân tích dưới góc độ lý luận vấn đề giải quyết TCMT. Thông qua việc tiếp cận các quan điểm tập trung làm rõ nội hàm về tranh chấp nói chung, TCMT nói riêng cũng như việc giải quyết TCMT giúp nhìn nhận rõ nét hơn về vấn đề này. Không dừng lại ở đó, Luận văn còn gợi mở, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản trong hệ thống cơ chế pháp lý được sử dụng để điều chỉnh việc giải quyết TCMT thông qua việc làm rõ các định nghĩa, nội dung cơ bản của pháp luật về lĩnh vực này, các yêu cầu, nguyên tắc đặc thù trong giải quyết TCMT. Những lý luận nền tảng này là sự chuẩn bị vững chắc, đảm bảo việc tìm hiểu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về giải quyết TCMT ở nội dung tiếp theo của Luận văn diễn ra đúng trọng tâm và hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.1.1. Về quyền khởi kiện giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT hiện nay theo quy định của pháp luật Việt Nam, chưa tồn tại thành một chế định độc lập, mà được xem như là một hình thức thể hiện của BTTH dân sự ngoài hợp đồng. Dựa vào bản chất này, quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT được thống nhất điều chỉnh như cơ chế bảo đảm quyền cho các chủ thể trong khởi kiện vụ việc dân sự, được điều chỉnh cụ thể tại Điều 186 BLTTDS năm 2015. Cụ thể hóa quyền này, pháp luật tiếp tục ghi nhận cơ chế trao cho công dân quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình. Các yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT khi nảy sinh không đơn thuần chỉ xảy ra ảnh hưởng quyền lợi giới hạn, tác động đến các chủ thể trực tiếp bị ảnh hưởng, trong một số trường hợp ảnh hưởng này còn gây ra những tác động mạnh mẽ đến quyền lợi của số đông, quyền lợi của cộng đồng, của xã hội. Vận dụng nguyên tắc này vào thực tiễn, trường hợp những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái nảy sinh, các cơ quan nhà nước được trao quyền trong quản lý và BVMT sinh thái như UBND các cấp có quyền tiến hành khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, điều hòa các lợi ích của cộng đồng xã hội bị tác động do ÔNMT gây ra. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 187 của Bộ luật này có thể khởi kiện một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.

Thông qua các quy định của pháp luật về quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT có thể nhận ra những nỗ lực điều chỉnh pháp lý tích cực hướng đến bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành với những đòi hỏi về quyền lợi chính đáng lẽ ra được hưởng nếu ÔNMT không xảy ra. Quá trình giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ bắt đầu khi có yêu cầu khởi kiện hợp pháp của các chủ thể

được pháp luật trao quyền.

2.1.2. Về thời hiệu khởi kiện trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Luật BVMT năm 2014 ghi nhận thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác. Quy định này của pháp luật môi trường xác định rõ thời điểm phát sinh thời hiệu khởi kiện về môi trường nói chung để thống nhất việc xác định thời hiệu khởi kiện, làm căn cứ xác định có hay không quyền khởi kiện hợp pháp.

Trong khi đó, tiếp tục sử dụng các chế định pháp lý chung trong giải quyết BTTH trong quan hệ dân sự, việc xác định cụ thể thời hiệu khởi kiện trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT cũng bị chi phối bởi cơ chế điều chỉnh này. Theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự Việt Nam, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của BLDS. Theo quy định của pháp luật, thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định. Pháp luật Dân sự xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu đòi BTTH là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Dưới góc độ lý luận có thể thất cùng điều chỉnh về vấn đề quyền khởi kiện trong lĩnh vực môi trường nói chung, Luật BVMT năm 2014 và BLDS năm 2015 đã có những điều chỉnh không thực sự thống nhất với nhau. Cụ thể:

Thứ nhất, về thời điểm tính thời hiệu khởi kiện, quy định của BLDS năm 2015 thể hiện sự điều chỉnh hợp lý hơn, đảm bảo cơ chế thực thi trên thực tế so với Luật BVMT năm 2014. Với cơ chế “biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại”, các chủ thể bị vi phạm quyền có được cơ chế hữu hiệu trong việc phát sinh quyền khởi kiện, đòi BTTH khi tham gia vào quan hệ pháp luật môi trường và có sự ảnh hưởng quyền lợi xảy ra.

Thứ hai, về việc ấn định thời hiệu khởi kiện giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, tác giả đồng tình với quan điểm điều chỉnh của Luật BVMT năm 2014 dựa trên mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau giữa các thành phần môi trường. Xét về hậu quả, ÔNMT khi xảy ra sẽ đưa đến những tác động trực tiếp, nguy cấp đến đời sống con người và sinh vật. Tuy nhiên, đây chỉ là những thiệt hại trực tiếp, thiệt hại trước mắt có thể nhìn nhận thấy được. Thực tế cho thấy không ít

các trường hợp xảy ra ÔNMT, ngoài những thiệt hại về tài chính, các ảnh hưởng trực tiếp về sức khỏe, tính mạng, về lâu dài có thể tính đến hàng năm hoặc thậm chí hàng chục năm các vấn đề sức khỏe mới diễn ra như các tình trạng dị tật bẩm sinh (đối với những người bị ảnh hưởng hoặc con cái của họ), các căn bệnh ung thư đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe...

2.1.3. Về người đại diện tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Pháp luật về Tố tụng dân sự trong giải quyết BTTH về dân sự có đề cập đến định nghĩa người đại diện tham gia tố tụng dân sự tại Điều 69 về năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự. Tuy vậy, việc xác định cụ thể các chủ thể này để trả lời cho câu hỏi “Họ là ai?” thực sự không hề dễ dàng. BLTTDS năm 2015 đưa ra hướng điều chỉnh này nhằm tạo cơ chế mở, đặc biệt thể hiện tính hiệu quả trong quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến nhiều nguyên đơn, bị đơn trong cùng một vụ án.

Như đã tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền khởi kiện giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT đã được thực hiện ở mục 2.1.1, có thể nhận ra việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT, đòi BTTH do ÔNMT gây ra được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức đơn lẻ trong cộng đồng. Thực tế nhiều vụ BTTH trong lĩnh vực BVMT cho thấy về phía bị đơn, có thể chỉ có một bị đơn nhưng cũng có thể có nhiều bị đơn; về phía nguyên đơn, có thể có những vụ việc dừng lại ở chục, hàng trăm nguyên đơn nhưng cũng có những vụ có hàng nghìn nguyên đơn. Vậy vấn đề đặt ra là các chủ thể này có được cử người đại diện tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp hay không? Nếu có thì người đại diện cho bên có yêu cầu là ai và bên bị yêu cầu là ai? Kết hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, đồng nghĩa với việc cùng lúc Tòa án sẽ nhận được một khối lượng “khổng lồ” các đơn thư từ các cá nhân, tổ chức trong cộng đồng. Thực tế này không tránh khỏi việc tạo ra một áp lực giải quyết công việc quá lớn từ cơ quan tài phán được nhà nước trao quyền. Dự liệu trường hợp này, BLTTDS năm 2015 đã thiết lập cơ chế nhập hoặc tách vụ án tại Khoản 1 Điều 42, theo đó đối với vụ án có nhiều người có cùng yêu cầu khởi kiện đối với cùng một cá nhân hoặc cùng một cơ quan, tổ chức thì Tòa án có thể nhập các yêu cầu của họ để giải quyết trong cùng một vụ án. Trong trường hợp các điều kiện để nhập các yêu cầu khởi kiện giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT không đáp ứng các điều kiện luật định để nhập vụ án làm căn

cứ giải quyết hoặc tồn tại những lí do khách quan khiến việc nhập vụ án không xảy ra thì áp lực giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT lên Tòa án là thực sự rất lớn.

2.1.4. Về thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Với cách thức tiếp cận xuyên suốt đề tài thực hiện, BTTH trong lĩnh vực BVMT thuộc dạng BTTH dân sự ngoài hợp đồng, thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thuộc về Tòa án. Điều này được ghi nhận rõ trong quy định về những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án “[...]Tranh chấp về BTTH ngoài hợp đồng. [...]” Luật BVMT năm 2014 quy định: “Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.[...]” Ngoài ra, trong hướng điều chỉnh cụ thể đến các thành phần môi trường, thẩm quyền giải quyết tranh chấp cũng được ghi nhận cụ thể như Điều 76 Luật Tài nguyên nước năm 2012, ghi nhận việc giải quyết tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể sẽ thuộc về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh hoặc Bộ TNMT. Không dừng lại ở đó, thẩm quyền giải quyết BTTH đối với môi trường cũng được Nghị định số 03/2015/NĐ-CP cũng được ghi nhận theo các cơ chế gồm: i) Thỏa thuận việc bồi thường với người gây thiệt hại; ii) Yêu cầu trọng tài giải quyết; iii) Khởi kiện tại Tòa án. Từ những căn cứ trên, có thể khẳng định thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thuộc về Tòa án các cấp và Trọng tài. Tuy vậy, những hạn chế pháp lý về điều chỉnh thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT có thể được nhìn nhận thông qua các vấn đề cơ bản gồm:

Thứ nhất, các quy định về thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT hiện nay còn chưa có sự thống nhất. Việc trao thẩm quyền giải quyết, điều hòa mâu thuẫn, xung đột giữa các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật môi trường cho Tòa án hiện nay được ghi nhận rải rác ở các văn bản khác nhau gây ra không ít những khó khăn trong việc xác định thẩm quyền trong việc giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Luật BVMT năm 2014 không đề cập đến vấn đề trao thẩm quyền cụ thể trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT mà chỉ điều chỉnh theo hướng “tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan”. Cơ chế điều chỉnh này khiến cho việc xác định cụ thể thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trong

nhiều trường hợp trên thực tế không thể tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc, từ đó mà gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến việc đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi ÔNMT xảy ra.

Thứ hai, sử dụng quy định về thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thuộc về cơ quan tài phán như cách thức chung trong xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự nói chung bộc lộ điểm hạn chế. Cụ thể, với việc xem giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT được thực hiện theo pháp luật giải quyết BTTH dân sự ngoài hợp đồng, từ đó mà thống nhất áp dụng nguyên tắc vấn đề thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ. Dựa trên nguyên tắc này, việc lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp sẽ phụ thuộc vào địa điểm cư trú, làm việc đối với cá nhân vi phạm hoặc trụ sở làm việc đối với trường hợp tổ chức là bị đơn. Tuy nhiên, gắn với đặc trưng của BTTH trong lĩnh vực BVMT, trên thực tế các vụ việc gây tác động nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, làm ảnh hưởng đáng kể đến quyền lợi của cộng đồng dân cư. Với phạm vi, diện tích ảnh hưởng rộng lớn cùng với sự đa dạng hóa trong yêu cầu, tính chất của vụ việc tranh chấp khiến cho việc giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trong những trường hợp này là rất khó khăn. Với cơ chế trao thẩm quyền hiện tại, Tòa án nơi cá nhân sinh sống hoặc trụ sở cơ quan nơi tổ chức vi phạm có địa bàn rất khó để giải quyết hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu về BTTH thích đáng cho các chủ thể phát sinh quyền khởi kiện, nhất là những chủ thể sinh sống tại các địa phương khác. Với việc thiếu đi sự tồn tại của hệ thống Tòa án phụ trách giải quyết vụ án về môi trường, đa phần các vấn đề môi trường hiện nay chỉ tập trung giải quyết, nỗ lực mọi cách để vù đắp cho những thiệt hại về vật chất, tinh thần mà cộng đồng dân cư phải gánh chịu do những tác động xấu đến môi trường gây ra, trong khi đó sự suy giảm về giá trị các thành phần môi trường vẫn còn bị “bỏ ngỏ” lớn khiến chất lượng môi sinh ngày càng có những xuống cấp trầm trọng.

2.1.5. Về nghĩa vụ chứng minh, xác định thiệt hại và chứng cứ trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Vấn đề này chỉ được đặt ra trong quá trình tiến hành thủ tục tố tụng trong giải quyết BTTH dân sự nói chung cũng như quá trình đòi BTTH do suy giảm chất lượng môi trường. ÔNMT khi xảy ra vừa tác động đến lợi ích công, sự duy trì thế cân bằng của diễn thế sinh thái và các lợi ích tư của cộng đồng dân cư được pháp luật ghi nhận và bảo

vệ. Đối với từng chế định này, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh đã được pháp luật thiết lập nên.

Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ban hành ngày 6/01/2015 Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường trao trách nhiệm yêu cầu BTTH và xác định thiệt hại đối với môi trường được trao cho UBND các cấp. Nghị định cũng điều chỉnh cụ thể các dữ liệu, chứng cứ bắt buộc phải thu thập được nhằm xác định thiệt hại đối với môi trường nói chung, xác định tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái nói riêng. Thông qua các điều chỉnh pháp lý về xác định thiệt hại về môi trường khi ÔNMT gây ra, hướng đến thực hiện bảo vệ có hiệu quả trạng thái cân bằng của môi trường sinh thái và chất lượng của từng thành phần môi sinh, pháp luật dưới góc độ này đã trao quyền thu thập dữ liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường do gây ra thiệt hại về môi trường thuộc về những người có quyền khởi kiện, được xác định rõ là các cơ quan quản lý nhà nước được trao quyền với sự hỗ trợ, hợp tác trong việc cung cấp các tài liệu, dữ liệu, chứng cứ có liên quan để đảm bảo việc đánh giá sự suy giảm về chất lượng môi trường là chính xác, làm căn cứ áp dụng mức BTTH phù hợp đối với các chủ thể có hành vi vi phạm.

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Với quy định này đã ghi nhận chủ thể có nghĩa vụ thu thập, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh của mình trong giải quyết các tranh chấp dân sự thuộc về các đương sự, là người phát sinh yêu cầu khởi kiện. Trường hợp đương sự không là người trực tiếp phát sinh quyền khởi kiện mà vị trí này thay bằng các cơ quan, tổ chức khác thì đương nhiên trách nhiệm cung cấp chứng cứ, chứng minh yêu cầu hoặc quyền khởi kiện là hợp pháp và có căn cứ. Cơ chế tương tự cũng được áp dụng trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Để thực hiện được yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT, cá nhân, tổ chức bị thiệt hại đòi quyền lợi cá nhân hoặc cá nhân, tổ chức khác phát sinh yêu cầu khởi kiện để đòi quyền lợi chung về môi trường trong cộng đồng xã hội cần phải chứng minh được đầy đủ 4 vấn đề cơ bản sau:

- i) *Có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra;*
- ii) *Có thiệt hại thực tế xảy ra đối với cá nhân, tổ chức thực hiện quyền khởi kiện đòi BTTH;*
- iii) *Tính có lỗi của chủ thể có hành vi vi phạm;*

iv) *Chứng minh mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra;*

Tuy vậy, tìm hiểu về nghĩa vụ chứng minh, làm căn cứ xác định có hay không cơ chế BTTH trong lĩnh vực BVMT trong đòi hỏi sự bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng xảy ra là thiếu sự đảm bảo tính khả thi trên thực tế, cụ thể là trách nhiệm chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể vi phạm cũng như làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng trực tiếp giữa hành vi vi phạm và những thiệt hại thực tế đã xảy ra. Muốn chứng minh tình trạng ÔNMT xảy ra, cộng đồng dân cư, chủ thể khởi kiện phải chứng minh tình trạng các thông số môi trường đã “vượt” ngưỡng giới hạn cho phép. Vấn đề này trên thực tiễn không thể đánh giá được bằng mắt thường mà buộc phải trải qua một quy trình quan trắc thành phần môi trường phức tạp, tỉ mỉ, mang nặng tính chuyên môn mới có thể thực hiện được. Đây là một quy trình có sự tốn kém đáng kể về chi phí, công sức. Kể cả trong trường hợp đảm bảo đủ hạ tầng cơ sở để tiến hành quy trình quan trắc môi trường, những hiểu biết thông thường không tạo ra những đảm bảo để tiến hành hoạt động này một cách hiệu quả. Khó khăn này dẫn đến việc hoàn toàn khả năng trên thực tế việc chứng minh mối quan hệ nhân quả gắn kết giữa hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, gây ÔNMT, STMT với những thiệt hại thực tế mà cộng đồng dân cư phải gánh chịu.

2.1.6. Các tổ chức xã hội, các nhà khoa học tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Do xuất phát từ thiệt hại môi trường rất khó xác định, sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học sẽ giúp cho việc giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT nhanh chóng chính xác. Các chuyên gia dựa vào các phương tiện kỹ thuật đo đạc, xét nghiệm mẫu để có thể đưa ra các quyết định khách quan, trung thực về mối liên hệ giữa nguyên nhân với hậu quả, về mức độ thiệt hại. Quy định này giúp cho quá trình đánh giá mức độ suy giảm chất lượng môi trường do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT gây ra được diễn ra có căn cứ, khoa học, hiệu quả, đảm bảo tính chính xác. Đồng thời sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, đại diện cộng đồng dân cư có ý nghĩa tăng cường cơ chế giám sát trong tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung, pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT nói riêng của các cơ quan nhà nước.

2.1.7. Trình tự giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Các trình tự, thủ tục tố tụng được áp dụng đối với quá trình BTTH phát sinh từ vụ việc tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng cũng được áp dụng chung đối với quá trình giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, được tiến hành tại Tòa án. Quy trình này trải qua các bước cơ bản sau:

Bước 1. Khởi kiện và gửi đơn khởi kiện đến Tòa án

Bước 2. Thụ lý vụ án dân sự và chuẩn bị xét xử sơ thẩm

Bước 3. Hòa giải vụ án dân sự

Bước 4.1. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Bước 4.2. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự (nếu có)

** Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (trong trường hợp đặc biệt)*

Bước 5. Thi hành án dân sự

2.1.8. Thủ tục giải quyết tố cáo trong bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Bên cạnh cơ chế trao quyền khởi kiện trong lĩnh vực BVMT cho các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, quyền khiếu nại các quyết định hành chính trong lĩnh vực này cũng như quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT cũng được pháp luật ghi nhận, theo đó tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục tố cáo các hành vi vi phạm diễn ra trong quá trình giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT được quy định cụ thể tại Điều 28, Luật Tố cáo năm 2018 với 4 bước cơ bản gồm:

Bước 1. Thụ lý tố cáo

Bước 2. Xác minh nội dung tố cáo

Bước 3. Kết luận nội dung tố cáo

Bước 4. Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo

Với quy định này, công dân có cơ chế để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, đảm bảo hiệu quả thực thi vai trò giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực này. Tuy vậy, cơ chế này cũng đặt ra trách nhiệm cho người thực hiện quyền tố cáo như tố cáo đúng sự thật, các tài liệu, chứng cứ cung cấp phải có giá trị thực tế, phản ánh đúng bản chất, diễn biến sự việc liên quan đến hành vi của người bị tố cáo. Cơ quan có thẩm quyền ra nội dung thông báo về kết quả tố cáo chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.2.1. Tình hình giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam

Không thể phủ nhận những kết quả tích cực mà quá trình này mang lại trong việc tạo ra công ăn, việc làm, tạo ra nhiều hơn của cải, vật chất cho xã hội, từ đó đảm bảo đẩy lùi các yếu tố gây ảnh hưởng, cản trở đến quá trình phát triển kinh tế. Tuy vậy, trên thực tế cho thấy các hoạt động sản xuất, kinh doanh đang diễn ra tại Việt Nam cũng nằm chung xu hướng với tất cả các quốc gia trên thế giới khi sự phụ thuộc vào các yếu tố của môi trường sinh thái là không thể tránh khỏi. Việc chỉ tập trung chú trọng phát triển kinh tế mà “bỏ lơ” thực trạng với môi trường sẽ mang đến những hậu quả nặng nề. Những thiệt hại này trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không còn là vấn đề lý luận, không còn là lo ngại vô căn cứ mà đã nảy sinh trên thực tế, gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng các thành phần môi trường, đe dọa đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư sinh sống xung quanh khu vực triển khai các dự án phát triển. Theo Bộ TNMT, môi trường nước ta đang chịu nhiều áp lực lớn từ phát triển kinh tế – xã hội trong nước, theo dòng thương mại quốc tế và tác động xuyên biên giới. Tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ TNMT – Trần Hồng Hà đã nêu rõ tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT đang có những diễn biến phức tạp. Nhiều khu, cụm công nghiệp, làng nghề chưa được đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường, gây ÔNMT. Nhiều SCMT lớn, tác động trên diện rộng, đặc biệt là SCMT biển miền Trung đã xảy ra. Nguyên nhân của thực trạng môi trường là do Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa, đầu tư phát triển rất cao, kéo theo nhiều áp lực đến môi trường trong khi nhận thức, ý thức trách nhiệm về BVMT của chủ đầu tư, một số ngành, cấp chính quyền, tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư còn hạn chế; tình trạng chú trọng lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ công tác BVMT còn phổ biến.

Đánh giá tình trạng suy giảm chất lượng môi trường, Bộ TNMT đánh giá *chất lượng nguồn nước mặt* ở một số nơi bị ô nhiễm, nhất là trong các khu đô thị, xung quanh các khu công nghiệp, làng nghề; chất lượng nước biển bị ô nhiễm cục bộ tại một số khu vực như vùng nước biển ven bờ từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế do SCMT xảy ra. Tại khu vực đô thị, vấn đề ÔNMT chủ yếu là *ô nhiễm bụi* do hoạt động giao thông, *ô nhiễm không khí*, nước mặt tại một số khu vực tập trung các

ngành công nghiệp. Tại khu vực nông thôn, tình trạng ô nhiễm chủ yếu diễn ra tại các làng nghề, điểm công nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, các cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi tập trung, hoạt động trồng trọt, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng ở các vùng lân cận, chôn lấp và đốt chất thải sinh hoạt,... Ô nhiễm bụi đang là vấn đề phổ biến tại các làng nghề sản xuất gốm sứ, chế tác đá, đồ thủ công mỹ nghệ như làng nghề gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội). Ô nhiễm không khí vẫn diễn ra tại làng nghề tái chế nhựa như làng nghề tái chế nhựa Trung Văn, làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn (Nam Định). Ô nhiễm mùi, ô nhiễm nước, ô nhiễm chất hữu cơ tập trung nhiều tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm và giết mổ. Ô nhiễm kim loại nặng trong nước mặt đang xảy ra tại các làng nghề cơ kim khí và làng nghề tái chế kim loại như làng nghề đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh), làng nghề tái chế nhôm Yên Bình (Nam Định), làng nghề tái chế chì Đông Mai, Văn Lâm (Hung Yên). Tại các khu vực khai thác khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản đã và đang gây nhiều tác động xấu đến môi trường xung quanh như thải đất đá và nước thải mỏ, phát tán bụi thải, quặng xỉ ngấm xuống nguồn nước hoặc phát tán ra môi trường; làm thay đổi hệ sinh thái rừng, suy thoái và ô nhiễm đất nông. Trong thời gian từ 2016 đến 2019 các vụ việc gây ÔNMT nghiêm trọng có thể kể đến như vụ việc Công ty Formosa Hà Tĩnh là thủ phạm gây ra thảm họa môi trường lớn nhất tại Việt Nam trong nhiều năm qua, gây ÔNMT biển nghiêm trọng tại bốn tỉnh khu vực miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên - Huế trong tháng 4/2016; vụ việc nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2, dự án nhiệt điện than lớn đầu tiên của khu vực miền Nam đặt tại tỉnh Bình Thuận đưa vào thử nghiệm vận hành từ tháng 1/2015 đã gây phát tán bụi, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; vụ việc công ty mía đường Hòa Bình xả thải trực tiếp ra sông Bưởi, gây ÔNMT nước nghiêm trọng, làm cá chết hàng loạt phía hạ lưu chảy qua tỉnh Thanh Hóa; vụ việc gây ô nhiễm sông Chà Và, gây ra hiện tượng cá chết hàng loạt do 14 doanh nghiệp chế biến hải sản gây ra trong tháng 9/2015; vụ việc gây ÔNMT của Công ty TNHH Bắc Hà tại Bắc Giang từ năm 2007 đến năm 2017 do xả khó thải, nước thải chưa qua xử lý ra môi trường sinh thái.

Có thể dễ dàng nhận ra những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến quyền lợi của cộng đồng dân cư đang ngày càng có chiều hướng gia tăng với những hậu quả “đáng lo ngại”, được xem là một trong những hệ quả khó tránh khỏi của cơ chế mở cửa thu hút FDI, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thúc đẩy phát triển nền

kinh tế, xã hội. Đáng ngại thay, tính đến thời điểm hiện tại, chỉ có 02 vụ việc ÔNMT đặt ra trách nhiệm giải quyết BTTH đối với các chủ thể vi phạm. Đa phần các TCMT trên thực tế được giải quyết thông qua việc đền bù những thiệt hại thực tế về môi trường thông qua hình thức xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, nếu có sự tham gia, đòi hỏi thực hiện trách nhiệm đối với các ảnh hưởng quyền đối với cộng đồng dân cư do gây ra ÔNMT thì đa phần các giai đoạn chỉ dừng lại ở mức độ thương lượng, tự thỏa thuận với các bên đương sự để nhanh chóng giải quyết tranh chấp. Trong một số trường hợp các khoản phạt hành chính còn khá nhẹ, chưa đủ sức răn đe các hành vi vi phạm dẫn đến thực tế một doanh nghiệp tái phạm gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường 6,7 lần. Cơ chế giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thiếu cơ chế đặc thù để điều chỉnh khiến cho những tổn thất thực tế về môi trường đã không được đền bù một cách chính đáng, hợp lý.

2.2.2. Những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Việc tìm hiểu thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT tại Việt Nam đã làm bộc lộ những hạn chế, vướng mắc được nhìn nhận cụ thể thông qua những khía cạnh sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật thực định về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT chưa có những điều chỉnh hợp lý với bản chất của hoạt động này.

Thứ hai, việc giải quyết BTTH do ÔNMT gây ra gặp rất nhiều khó khăn xét từ phương diện thực tế. Việc xác định nguyên nhân gây thiệt hại, xác định chủ thể vi phạm hay chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thực tế xảy ra là vô cùng khó khăn, thậm chí bất khả thi. Vai trò của các tổ chức như Hội Luật gia, Đoàn Luật sư ... vẫn còn khá nhạt nhòa, chưa thể hiện tính thích ứng kịp thời trong hướng dẫn các thủ tục pháp lý cho người dân trong giải quyết BTTH do ÔNMT.

Thứ ba, việc xử lý, giải quyết hành vi vi phạm đối với doanh nghiệp trên thực tế chịu nhiều ảnh hưởng từ áp lực phát triển kinh tế, xã hội.

Kết luận chương 2.

Dựa trên các tiếp cận lý luận thống nhất đã được trình bày ở Chương 1, tác giả có được “bước đệm” vững chắc trong việc tiếp cận cụ thể các chế định pháp lý trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thông qua các điều chỉnh cơ bản nhất của hệ thống pháp luật

này. Có thể nhận thấy sự điều chỉnh pháp lý đã thể hiện khá rõ tính hiệu quả trong truy cứu trách nhiệm các hành vi vi phạm pháp luật, gây ra ÔNMT, hướng đến bảo vệ có hiệu quả các giá trị của môi trường sinh thái cũng như các quyền lợi hợp pháp của cộng đồng dân cư khi tham gia vào quan hệ pháp luật này. Tuy vậy, thông qua cơ chế đánh giá, tác giả cũng đã chỉ ra những hạn chế trong quy định của pháp luật về lĩnh vực này xuất phát từ đặc trưng của yêu cầu BTTH trong lĩnh vực BVMT với các cơ chế giải quyết BTTH đối với vụ việc dân sự thông thường. Những nhìn nhận trực tiếp vào các hạn chế trong quá trình thi hành pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT ngoài ý nghĩa cung cấp cái nhìn khách quan, toàn diện về hoạt động này trên thực tiễn tại Việt Nam còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trên thực tế sẽ được trình bày ở phần cuối cùng của Luận văn.

Chương 3.

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trong bối cảnh môi trường đang có những biến chuyển theo chiều hướng phức tạp với những tác động ngày càng nghiêm trọng đến cân bằng của diễn thế sinh thái, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cộng đồng dân cư, với yêu cầu tạo ra những đảm bảo vững chắc hỗ trợ cho quá trình tăng trưởng kinh tế, xã hội cũng như gìn giữ, bảo vệ các thành quả kinh tế đạt được, pháp luật về BVMT nói chung, pháp luật về BTTH trong lĩnh vực BVMT nói riêng cần có những thay đổi cơ bản để khắc phục được những hạn chế trong quá trình điều chỉnh bằng pháp luật đối với vấn đề BTTH cho cộng đồng, cho người dân khi ÔNMT, STMT xảy ra trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

Thứ nhất, tạo ra những chế định pháp lý về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT theo hướng điều chỉnh hiệu quả, thống nhất với các chế định pháp lý khác trong pháp luật BVMT cũng như các quan hệ pháp luật khác khi điều chỉnh về cùng một vấn đề.

Thứ hai, hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT cần xác lập trật tự ưu tiên bảo vệ trong quá trình

BTTH, ưu tiên BTTH về môi trường sinh thái trước, sau đó mới giải quyết BTTH cho quyền lợi của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng

Thứ ba, đảm bảo thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, hoàn thiện quy định pháp luật đối với quyền khởi kiện giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Pháp luật giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT cần ghi nhận cơ chế đại diện khởi kiện hay quyền khởi kiện tập thể trong hoạt động này để đảm bảo cơ chế giải quyết nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả. Đi đôi với cơ chế này, cần chuẩn bị sẵn sàng “kịch bản” đối phó với vấn đề thực hiện quyền đại diện tập thể dễ dẫn đến sự mất ổn định xã hội, nặng hơn có thể dẫn đến xung đột xã hội với những hậu quả khó lường.

Thứ hai, hoàn thiện quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Tác giả cho rằng không nên đặt ra sự giới hạn về mặt thời gian đối với giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Chỉ nên quy định thống nhất về thời điểm phát sinh phát sinh thời hiệu khởi kiện đòi BTTH trong lĩnh vực BVMT là từ khi cá nhân, tổ chức biết hoặc có căn cứ phải biết về những quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT gây ra.

Thứ ba, hoàn thiện quy định pháp luật về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh làm cơ sở giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng quyền lợi do ÔNMT gây ra khi thực hiện quyền khởi kiện có trách nhiệm chỉ ra đối tượng thực hiện hành vi vi phạm và chứng minh cho những thiệt hại thực tế đã xảy ra. Nghĩa vụ cung cấp chứng cứ nhằm cơ sở giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thuộc về cả cộng đồng dân cư (chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra) và cả chủ thể bị kiện, đa phần là các doanh nghiệp (chứng minh doanh nghiệp không gây ra các tác động đến môi trường sinh thái, từ đó mà khẳng định không có trách nhiệm đối với các thiệt hại mà cộng đồng dân cư đang phải gánh chịu).

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về phương thức giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Pháp luật cần có những điều chỉnh cụ thể hơn đối với thỏa thuận trọng tài về cách thức thực hiện, các điều kiện, cơ chế hỗ trợ thực hiện để bảo vệ quyền lợi của bên đòi quyền lợi. Xa

hơn, trong tương lai có thể xúc tiến việc ban hành chế định Trọng tài có thẩm quyền riêng về giải quyết TCMT, giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT dưới hình thức như Luật Trọng tài. Ngoài ra, chỉ áp dụng thương lượng và hòa giải đối với quá trình đòi BTTH về quyền lợi hợp pháp bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm pháp luật môi trường, không áp dụng các cơ chế này đối với đòi BTTH về sự suy giảm giá trị môi trường do ÔNMT.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT. Trong tương lai, cần nghiên cứu xây dựng mô hình Tòa án Môi trường, tồn tại song hành cùng hệ thống các Tòa khác như Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa kinh tế... Đây là bước đi cụ thể không chỉ nhằm đảm bảo hiệu quả trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT mà xa hơn, nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về BVMT đã được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế, mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với mô hình tổ chức Tòa án của nhiều nước trên thế giới.

Thứ sáu, hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

Về vấn đề này, tác giả hoàn toàn thống nhất với quan điểm đưa ra bởi TS. Vũ Thu Hạnh trong công trình “*Cơ chế giải quyết bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường*” năm 2012 với các giai đoạn cơ bản sau:

Bước 1. Xác định loại thiệt hại

Bước 2. Xác định người bị hại

Bước 3. Xác định nguyên nhân gây thiệt hại

Bước 4. Xác định đối tượng gây thiệt hại.

Bước 5. Thu thập chứng cứ để xác định thiệt hại.

Bước 6. Lần lượt tiến hành các phương thức đặc thù trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp trong BVMT. Doanh nghiệp cần nhìn nhận rõ những lợi ích công cộng, lợi ích của số đông đã bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT của mình gây ra, đồng thời tự đặt mình vào vai trò, hoàn cảnh của cộng đồng dân cư bị tước đoạt các quyền lợi hợp pháp để hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của bên bị thiệt hại, từ đó mà có cơ chế hợp tác trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

Thứ hai, nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng được nhà nước trao quyền giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

Bản thân các cán bộ, cơ quan được nhà nước trao quyền trong quản lý nhà nước về BVMT phải xác định rõ về trách nhiệm của mình đối với thẩm quyền được giao. Chính quyền địa phương nơi có mô hình đầu tư sản xuất, kinh doanh diễn ra cần có những nhìn nhận căn bản về vấn đề bảo vệ quyền lợi chung của cộng đồng xã hội cũng như quyền lợi của từng cá thể trong cộng đồng để có hướng giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT hợp lý. Ngoài ra, nhà nước cũng cần có cơ chế hỗ trợ, tiến hành đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thẩm phán tại các Tòa Dân sự hiện này về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT.

Cần tập trung nâng cao nhận thức của người dân trong cơ chế tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính mình trên cơ sở tiến hành tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật cho người dân để họ nắm vững các cơ chế đảm bảo thực thi quyền cơ bản được pháp luật trao cho như quyền con người được sống trong môi trường trong lành, quyền được cung cấp thông tin trong lĩnh vực BVMT thông qua thúc đẩy việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân. Ngoài ra, cần tạo cơ chế để “xã hội hóa” vấn đề giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT thu hút các cơ quan, tổ chức khác trong cộng đồng (tồn tại độc lập với hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường) tham gia vào mô hình này với vai trò đại diện cộng đồng dân cư để thực hiện chức năng giám sát quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở những nhìn nhận cơ bản về các hạn chế pháp lý nảy sinh trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT cũng như các vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực thi pháp luật trên thực tế tại Việt Nam, tác giả đã đưa ra những định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu đặt ra. Những hoàn thiện pháp lý tập trung giải quyết các hạn chế trong quá trình thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án đòi quyền lợi về sức khỏe, tính mạng, tài sản của cá nhân, tổ chức trong cộng đồng là thực sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Những đổi mới căn bản từ góc độ pháp lý chỉ mới là điều kiện “cần” trong

đảm bảo hiệu quả giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT , điều kiện “đủ” cần nhìn nhận là những yếu tố chủ quan về nhận thức, năng lực trình độ của lực lượng chuyên trách về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, nhận thức của cộng đồng xã hội cũng như những hiểu biết cơ bản về quyền lợi của cộng đồng dân cư. Giải quyết linh hoạt, kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố này sẽ tạo ra tính hiệu quả trong giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trên thực tế, vừa bảo vệ được những lợi ích chung của cộng đồng, vừa quan tâm bảo vệ quyền lợi của từng cá thể trong cộng đồng khi ÔNMT, STMT xảy ra.

KẾT LUẬN

Luận văn đã nghiên cứu, phân tích làm rõ các vấn đề lý luận nền tảng cũng như phản ánh góc nhìn từ thực tiễn thi hành pháp luật về BTTH trong lĩnh vực BVMT. Nhìn chung, với những tiếp cận thống nhất, được ghi nhận cụ thể thành những chế định pháp lý có giá trị bắt buộc chung trong điều chỉnh cách thức xử sự của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật về BVMT nói chung, pháp luật về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT nói riêng bước đầu đã khá thành công trong việc thống nhất cơ chế tiếp cận, giải quyết BTTH do ÔNMT gây ra. Tuy nhiên, do môi trường và những vấn đề pháp lý có liên quan chỉ mới là vấn đề nóng trong những năm gần đây, vì vậy sự chuẩn bị kỹ lưỡng các cơ chế pháp lý đối với giải quyết TCMT, giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT cũng chưa được hoàn thiện. Các cơ chế pháp lý trong lĩnh vực này còn phụ thuộc quá nhiều đến quy trình giải quyết đối với tranh chấp, BTTH dân sự ngoài hợp đồng, xét về bản chất là hoàn toàn không phù hợp với quan hệ môi trường. Xuất phát từ những tiếp cận nền tảng về nội hàm các vấn đề cơ bản về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT, các nguyên tắc, yêu cầu, các cơ chế đặc thù được áp dụng để giải quyết, tác giả tiếp tục nghiên cứu, phân tích các chế định pháp lý về giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT để nhận ra tính hợp lý/ bất hợp lý trong các cơ chế này. Đây là nền tảng quan trọng trong việc đưa ra các định hướng hoàn thiện pháp luật cũng như các nhiệm vụ cần thực hiện trong việc nâng cao hiệu quả giải quyết BTTH trong lĩnh vực BVMT trên thực tế. Đây là nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh hiện nay khi các tác động tiêu cực xảy ra đối với môi trường càng nhiều với những hệ quả để lại đối với môi sinh, với các quyền lợi của người dân ngày càng lớn. Thực hiện thành công cơ chế BTTH trong lĩnh vực BVMT sẽ bảo vệ hiệu quả các lợi ích công, lợi ích tư bị ảnh hưởng do ÔNMT, tạo động lực để thực hiện và gìn giữ hiệu quả các thành quả kinh tế đạt được, góp phần xây dựng xã hội phồn vinh, an toàn, ổn định phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của con người.